

UBND XÃ VĨNH THUẬN
TRƯỜNG TIỂU HỌC GIANG BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Số: /BC –TH

Vĩnh Thuận, ngày tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO SƠ KẾT HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026

Thực hiện Công văn Số: 65/SGDDĐT-GDMN&GDTH Hải Phòng, ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hải Phòng V/v tổ chức sơ kết và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học kỳ I năm học 2025-2026 đối với giáo dục tiểu học;

Căn cứ tình hình thực tế, Trường Tiểu học Giang Biên đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm học kỳ I, năm học 2025 - 2026 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG

1. Học sinh: Tổng số lớp: 25 lớp, đến thời điểm hiện tại: 860 HS. Cụ thể:

Khối	Tổng số HS	Số lớp	Nữ		Dân tộc		Nữ dân tộc		KT		Diện chính sách	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
	860	25	415	48.26	5	0.58	2	0.23	7	0.81	73	8.49
01	165	5	73	44.24	1	0.61	1	0.61	1	0.61	8	4.85
02	158	5	84	53.16	1	0.63		0.00	1	0.63	3	1.90
03	179	5	84	46.93	1	0.56	1	0.56		0.00	54	30.17
04	153	4	80	52.29	1	0.65		0.00	3	1.96	5	3.27
05	205	6	94	45.85	1	0.49		0.00	2	0.98	3	1.46

2. Đội ngũ CBQL-GV:

Tổng số	Nữ	BGH	GV			TPT	Nhân viên	Trình độ CM		
			Văn hóa	Tin	Tiếng anh			ĐH	CD	Khác
37	31	2	26	1	3 (HĐ 1)	1	4 (HĐ 2)	34	2	1

Ưu điểm:

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên cơ bản đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học. 100% CBQL đạt trình độ Đại học; đa số giáo viên có trình độ Đại học, có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với nghề, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Đội ngũ giáo viên đoàn kết, có ý thức tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tích cực đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

- Tỷ lệ giáo viên/lớp đạt 1,2 GV/lớp, cơ bản đảm bảo cho việc tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục.

Hạn chế:

- Hiện còn 02 giáo viên nữ có trình độ Cao đẳng, độ tuổi từ 53–56, gặp khó khăn trong việc tham gia học tập nâng cao trình độ. Giáo viên các môn Âm nhạc, mỹ thuật còn thiếu, gây khó khăn trong việc bố trí thời khóa biểu và tổ chức các hoạt động chuyên môn.

- Đội ngũ nhân viên còn ít, một số vị trí kiêm nhiệm nên khối lượng công việc tương đối lớn, ảnh hưởng đến hiệu quả công việc trong một số thời điểm.

3. Cơ sở vật chất.

STT	Khối /phòng	Diện tích đất		Số phòng /Khu			
		Hiện có	Còn thiếu	Số phòng/khu hiện có			Phòng cần bổ sung
				Tổng	Phòng kiên cố	Phòng bán kiên cố	
	Tổng	5,050	4,000	32	32	0	14
1	Khối phòng HC-QT			4	4		0
2	Khối phòng học tập						
2.1	Phòng học			25	25		0
2.2	Phòng học bộ môn			1	1		7
3	Khối phòng HT học tập			2	2		3
4	Nhà đa năng			-	-		1
5	Thư viện			-	-		1

II. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN.

1. Thuận lợi

- Nhà trường đảm bảo đủ phòng học, tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nâng cao chất lượng giáo dục.
- Cơ sở vật chất cơ bản đầy đủ, phòng học khang trang, sạch sẽ, đảm bảo ánh sáng và quạt mát.
- Đa số học sinh ngoan, lễ phép, có ý thức chấp hành nội quy trường, lớp.
- Phụ huynh quan tâm, phối hợp tương đối tốt với giáo viên trong việc quản lý, giáo dục học sinh.
- Giáo viên chủ nhiệm nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, thường xuyên quan tâm, theo dõi việc học tập và rèn luyện của học sinh.

2. Khó khăn

- Đội ngũ giáo viên còn thiếu so với định biên, một số giáo viên kiêm nhiệm nhiều công việc nên gặp khó khăn trong việc đầu tư chuyên sâu cho công tác giảng dạy và giáo dục học sinh.
- Cơ sở vật chất tuy đã được quan tâm nhưng vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ; một số trang thiết bị dạy học, thiết bị công nghệ còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học.
- Trường đóng trên địa bàn vùng nông thôn, điều kiện kinh tế của nhiều gia đình học sinh còn khó khăn, ảnh hưởng đến việc đầu tư cho học tập của các em.
- Nhận thức của một bộ phận phụ huynh về vai trò, tầm quan trọng của giáo dục chưa đầy đủ; việc phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong quản lý, giáo dục học sinh đôi lúc chưa chặt chẽ.

III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học

Thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về GDĐT. Tổ chức quán triệt đầy đủ các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Bộ, Sở và của xã cho toàn thể CBGVNV.

Bám sát vào các văn bản chỉ đạo và văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026, nhà trường xây dựng đầy đủ các loại kế hoạch theo quy định: kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục và các loại kế hoạch tác nghiệp theo từng nhiệm vụ. Triển khai thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch.

2. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

2.1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học.

- Vệ sinh trường lớp luôn sạch sẽ trong khuôn viên nhà trường và trong từng phòng học, các phòng chức năng.

- Nhà trường đã tổ chức rà soát các hạng mục công trình, cơ sở vật chất không đảm bảo an toàn cho học sinh, kịp thời đề xuất và thực hiện tu sửa, khắc phục nhằm đảm bảo môi trường học tập an toàn.

- Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền về an toàn giao thông; phòng chống cháy nổ; phòng tránh các dịch bệnh; phòng tránh các tệ nạn xã hội,...

- Triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, xây dựng văn hóa học đường; công tác xã hội, công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường học, công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

- Tổ chức kí cam kết trong toàn thể CB, GV, NV, HS và phụ huynh tất cả các nội dung về ATGT, ANTT trường học, chấp hành các quy định khác,....

- Thực hiện tốt công trường an toàn giao thông.

2.2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

a) Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học:

Bám sát vào các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Bộ, Sở và đặc điểm tình hình thực tế của nhà trường, nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học/hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GDĐT. Sắp xếp thời gian thực hiện chương trình bảo đảm tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh (mỗi ngày không quá 7 tiết, sắp xếp các tiết học và các tiết hoạt động giáo dục xen lẫn).

Kế hoạch giáo dục nhà trường cơ bản phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường, đảm bảo tính linh hoạt; thể hiện được kế hoạch thời gian tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, môn học tự chọn, tích hợp các nội dung giáo dục; xác định được mục tiêu chung, các mục tiêu cụ thể; phân phối thời lượng các môn học/hoạt động giáo dục và các hoạt động giáo dục tập thể; khung thời gian thực hiện chương trình và kế hoạch dạy học các môn học/hoạt động giáo dục từng khối lớp.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học các môn học/hoạt động giáo dục trên cơ sở kế hoạch giáo dục của nhà trường và điều kiện tổ chức dạy học như nguồn học liệu, thiết bị dạy học,...; lựa chọn những nội dung giáo dục phù hợp để tích hợp, bổ sung vào kế hoạch.

Kế hoạch bài dạy của giáo viên cơ bản đảm bảo cấu trúc, đổi mới, viết yêu cầu cần đạt quan tâm xác định các biểu hiện năng lực đặc thù môn học; các nội dung giáo dục tích hợp (giáo dục địa phương; giáo dục an ninh quốc phòng; giáo dục kỹ năng công dân số; giáo dục lí tưởng cách mạng, đạo đức lối sống; giáo dục an toàn giao thông; giáo dục bảo vệ môi trường; giáo dục quyền con người...); thể hiện được các hoạt động học tập của học sinh như: mở đầu (khởi động, kết nối), hình thành kiến thức mới (trải nghiệm, khám phá, phân tích); hoạt động luyện

Khối	Số	Mức độ	TH-CN (Công nghệ)				Giáo dục thể chất				Nghệ thuật (ÂN)				Nghệ thuật (MT)				Hoạt động TN				TH-CN (Tin học)				Đạo đức			
			SL	TL	Nữ	DT	SL	TL	Nữ	DT	SL	TL	Nữ	DT	SL	TL	Nữ	DT	SL	TL	Nữ	DT	SL	TL	Nữ	DT	SL	TL	Nữ	DT
Tổng	860	T	428	49.77	230	2	696	80.93	369	3	644	74.88	344	2	677	78.72	363	2	702	81.63	373	2	426	49.53	230	2	713	82.91	381	4
		H	109	12.67	28	1	164	19.07	46	2	176	20.47	51	3	182	21.16	52	3	157	18.26	42	3	111	12.91	28	1	147	17.09	34	1
		C									2	0.23	1		1	0.12			1	0.12										
1	165	T					142	86.06	65	1	141	85.45	65		140	84.85	64		142	86.06	66						152	92.12	70	1
		H					23	13.94	8		22	13.33	7	1	24	14.55	9	1	22	13.33	7	1					13	7.88	3	
		C									2	1.21	1		1	0.61			1	0.61										
2	158	T					126	79.75	73		125	79.11	72		126	79.75	72		127	80.38	73						133	84.18	78	1
		H					32	20.25	11	1	33	20.89	12	1	32	20.25	12	1	31	19.62	11	1					25	15.82	6	
		C																												
3	179	T	138	77.09	69	1	145	81.01	72	1	140	78.21	70	1	144	80.45	74	1	149	83.24	75	1	140	78.21	70	1	150	83.8	76	1
		H	41	22.91	15		34	18.99	12		39	21.79	14		35	19.55	10		30	16.76	9		39	21.79	14		29	16.2	8	
		C																												
4	153	T	117	76.47	73	1	116	75.82	72	1	90	58.82	55	1	117	76.47	72	1	118	77.12	73	1	117	76.47	73	1	119	77.78	72	1
		H	36	23.53	7		37	24.18	8		25	16.34	6		36	23.53	8		35	22.88	7		36	23.53	7		34	22.22	8	
		C																												
5	205	T	173	84.39	88		167	81.46	87		148	72.2	82		150	73.17	81		166	80.98	86		169	82.44	87		159	77.56	85	
		H	32	15.61	6	1	38	18.54	7	1	57	27.8	12	1	55	26.83	13	1	39	19.02	8	1	36	17.56	7	1	46	22.44	9	1
		C																												

Đánh giá năng lực, phẩm chất. Thống kê đánh giá năng lực

STT	Lớp	Số	Tự chủ và tự học						Giao tiếp và hợp tác						Giải quyết vấn đề và sáng tạo					
			Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Tổng	860	695	80.8	162	18.8	3	0.3	686	79.8	174	20.2			662	77	196	22.8	2	0.2
7	Khối 01	165	144	87.3	18	10.9	3	1.8	145	87.9	20	12.1			138	83.6	25	15.2	2	1.2
13	Khối 02	158	128	81	30	19			125	79.1	33	20.9			125	79.1	33	20.9		
19	Khối 03	179	145	81	34	19			143	79.9	36	20.1			140	78.2	39	21.8		
24	Khối 04	153	120	78.4	33	21.6			119	77.8	34	22.2			118	77.1	35	22.9		
31	Khối 05	205	158	77.1	47	22.9			154	75.1	51	24.9			141	68.8	64	31.2		

Thống kê đánh giá năng lực đặc thù

Lớp	Số	Ngôn ngữ						Tính toán						Khoa học						Công nghệ					
		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tổng	860	693	81	166	19	1	0.1	672	78	187	22	1	0.1	681	79	177	21	2	0.2	419	78	118	22		
Khối 01	165	148	90	16	9.7	1	0.6	140	85	24	15	1	0.6	140	85	23	14	2	1.2						
Khối 02	158	128	81	30	19			127	80	31	20			129	82	29	18								
Khối 03	179	144	80	35	20			141	79	38	21			144	80	35	20			148	83	31	17		
Khối 04	153	119	78	34	22			117	77	36	24			117	77	36	24			117	77	36	24		
Khối 05	205	154	75	51	25			147	72	58	28			151	74	54	26			154	75	51	25		
Lớp	Số	Tin học						Thẩm mỹ						Thể chất											
		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG							
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL						
Tổng	860	411	77	126	24			687	80	171	20	2	0.2	720	84	139	16	1	0.1						
Khối 01	165							141	86	22	13	2	1.2	145	88	19	12	1	0.6						
Khối 02	158							130	82	28	18			131	83	27	17								
Khối 03	179	145	81	34	19			144	80	35	20			153	86	26	15								
Khối 04	153	119	78	34	22			120	78	33	22			121	79	32	21								
Khối 05	205	147	72	58	28			152	74	53	26			170	83	35	17								

Thông kê đánh giá phẩm chất

Lớp	Số	Yêu nước						Nhân ái						Chăm chỉ					
		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tổng	860	787	91.5	72	8.4			768	89.3	92	10.7			707	82.2	152	17.7	1	0.1
Khối 01	165	161	97.6	4	2.4			156	94.5	9	5.5			141	85.5	23	13.9	1	0.6
Khối 02	158	152	96.2	6	3.8			148	93.7	10	6.3			136	86.1	22	13.9		
Khối 03	179	156	87.2	23	12.8			153	85.5	26	14.5			150	83.8	29	16.2		
Khối 04	153	131	85.6	21	13.7			132	86.3	21	13.7			123	80.4	30	19.6		
Khối 05	205	187	91.2	18	8.8			179	87.3	26	12.7			157	76.6	48	23.4		
Lớp	Số	Trung thực						Trách nhiệm											
		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG							
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL						
Tổng	860	733	85.2	126	14.7	1	0.1	704	81.9	154	17.9	1	0.1						
Khối 01	165	146	88.5	18	10.9	1	0.6	141	85.5	23	13.9	1	0.6						
Khối 02	158	145	91.8	13	8.2			135	85.4	23	14.6								
Khối 03	179	149	83.2	30	16.8			146	81.6	33	18.4								
Khối 04	153	123	80.4	30	19.6			123	80.4	29	19.0								
Khối 05	205	170	82.9	35	17.1			159	77.6	46	22.4								

Cuối học kỳ I, học sinh được đánh giá về phẩm chất và năng lực theo quy định. Kết quả cho thấy khoảng 99.1% học sinh đạt yêu cầu về phẩm chất, trong đó trên 80% học sinh được đánh giá mức Hoàn thành tốt.

Đối với năng lực, có 99.7% học sinh đạt yêu cầu, trong đó 77% trở lên học sinh được đánh giá mức Hoàn thành tốt. Học sinh có ý thức học tập, chủ động tham gia các hoạt động giáo dục; biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Chất lượng giáo dục cơ bản ổn định, học sinh có tiến bộ so với đầu năm học.

Trong học kỳ I, nhà trường đã chú trọng triển khai hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua việc lồng ghép trong các môn học, các hoạt động giáo dục và sinh hoạt dưới cờ. Nội dung giáo dục tập trung vào rèn luyện kỹ năng giao tiếp, tự phục vụ, hợp tác, ý thức chấp hành nội quy, an toàn trường học và phòng tránh tai nạn thương tích. Qua đó, học sinh từng bước hình thành các kỹ năng cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Chất lượng các cuộc thi, giao lưu, sân chơi trí tuệ:

* IOE: Cấp trường: 77 HS,

- Cấp phường xã 77HS.

* Giải Vioedu: Cấp trường Vioedu môn tổng hợp: 296 HS; Vioedu môn môn Tiếng Anh: 221 HS.

- Tham gia Đại hội thể dục thể thao xã Vĩnh Thuận lần thứ nhất: Đạt giải Nhất Kéo co cấp xã (12 HS), có 04 HS thi Cờ vua cấp xã và được lựa chọn tham gia cấp Thành phố.

2.3. Dạy học Ngoại ngữ, Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học:

a) Tổ chức dạy học môn Ngoại ngữ, Tin học

Trong học kỳ I, nhà trường đã tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và Tin học cho học sinh theo đúng quy định của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Việc

bố trí thời lượng, thời khóa biểu được thực hiện khoa học, phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo không gây quá tải cho học sinh.

Giáo viên giảng dạy được phân công đúng chuyên môn, có trình độ, tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh; tăng cường các hoạt động thực hành, trải nghiệm. Nhà trường khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ thông tin phục vụ dạy học Tiếng Anh và Tin học.

Qua quá trình triển khai, học sinh bước đầu hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh, kỹ năng sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Đối với các lớp 1, 2: Tiếp tục thực hiện Chương trình môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 đảm bảo các yêu cầu được quy định trong Chương trình GDPT 2018 và Công văn số 3818/BGDĐT-GDTH ngày 31/7/2023 của Bộ GDĐT hướng dẫn tổ chức dạy học các môn ngoại ngữ 1. Nhà trường hợp đồng 01 GV tiếng Anh, đảm bảo 100% học sinh lớp 1,2 được làm quen Tiếng Anh với thời lượng 2 tiết/tuần.

- Tổ chức dạy học môn Tin học học sinh lớp 3,4,5 với thời lượng 1 tiết/tuần cho 100% học sinh, đảm bảo các yêu cầu được quy định trong Chương trình GDPT 2018.

+ Tích hợp trong dạy môn Tin học đối với lớp 3,4,5 và các môn học Đạo đức, Toán, Công nghệ và TNXH

+ Đối với lớp 4, lớp 5 tăng cường thời lượng, nội dung theo từng chủ đề, mạch kiến thức nhằm củng cố, khắc sâu các kiến thức trong môn Tin học đồng thời tạo điều kiện để học sinh được nghiên cứu, tìm hiểu, khám phá, mở rộng kiến thức Tin học, phát triển năng lực Tin học.

2.4. Dạy học nội dung GD địa phương theo Chương trình GDPT 2018:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và dạy tích hợp nội dung GDĐP vào các môn học và hoạt động giáo dục Nội dung giáo dục của địa phương được tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 với nhiều hình thức linh hoạt, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nhà trường và địa phương. Các nội dung theo từng lớp được các GV lồng ghép, tích hợp vào chương trình các môn học, hoạt động trải nghiệm để phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ phát triển nhận thức của học sinh theo từng khối lớp đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định.

2.5. Triển khai giáo dục STEM

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện giáo dục STEM đối với tất cả các khối lớp, nội dung cơ bản tập trung vào thực hiện bài học STEM và hoạt động trải nghiệm STEM.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn tập trung công tác bồi dưỡng, tư vấn giáo viên thông qua các hình thức dự giờ, sinh hoạt chuyên môn cấp tổ, cấp trường để đánh giá, rút kinh nghiệm sau mỗi bài học, đảm bảo triển khai thực hiện giáo dục STEM tại mỗi khối đạt chất lượng, hiệu quả hơn.

- Thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh học sinh về vai trò của giáo dục STEM; phối hợp với phụ huynh

để mua sắm đầy đủ tài liệu và vật liệu cho HS thực hành.

- Trong quá trình triển khai thực hiện chuyên môn hướng dẫn giáo viên sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ website <https://stemtieuhoc.edu.vn>.

2.6. Công tác triển khai các hoạt động liên kết:

Trong học kỳ I, nhà trường triển khai các hoạt động liên kết giáo dục trên cơ sở nguyện vọng của học sinh và sự đồng thuận của cha mẹ học sinh. Nhà trường đã phối hợp với Trung tâm Kỹ năng sống Ánh Dương tổ chức dạy Kỹ năng sống cho học sinh từ khối 1 đến khối 5 với thời lượng 1 tiết/tuần; đồng thời liên kết với Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Global Edu tổ chức dạy Tiếng Anh tăng cường cho học sinh khối 1 đến khối 5 với thời lượng 1 tiết/tuần. Các hoạt động liên kết được triển khai đúng quy định, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

2.7. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá học sinh.

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.

Tất cả các giáo viên từ lớp 1 đến lớp 5 đều tổ chức dạy học các bài học theo các hoạt động (khởi động, trải nghiệm khám phá, luyện tập-thực hành, vận dụng) nhằm phát triển năng lực học sinh. Dạy học gắn với sử dụng có hiệu quả đồ dùng/thiết bị dạy học và học liệu điện tử; tích cực ứng dụng CNTT khai thác tài nguyên mạng phục vụ tư liệu, hình ảnh; khai thác hiệu quả các phòng phục vụ học tập/sân bãi tập.

Tiếp tục thực hiện dạy học theo PP Học thông qua chơi, Sơ đồ tư duy, lớp học đảo ngược, ứng dụng Skype trong dạy giao tiếp tiếng Anh vào dạy học, các kỹ thuật dạy học như kỹ thuật mảnh ghép, khăn trải bàn, bẻ cá, tia chớp, kỹ thuật XYZ,...; tăng cường hình thức dạy học cá nhân, coi trọng làm việc cá nhân trong hoạt động nhóm, cả lớp; Tăng cường tổ chức các hoạt động học tập, giáo dục ngoài không gian lớp học.

Các nhiệm vụ chuyên đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục được nhà trường triển khai thực hiện ở nhiều nội dung: ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá (ứng dụng các phần mềm trực tuyến trong các tiết dạy, kiểm tra, đánh giá); ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường (thông qua các phần mềm quản lý, học bạ số,...)

b) Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá học sinh

Các giáo viên thực hiện đánh giá HS theo Thông tư 27/TT-BGD của Bộ Giáo dục- Đào tạo. Các giáo viên đã nghiên cứu kỹ Thông tư 27, áp dụng nhận xét, đánh giá học sinh thường xuyên và định kì theo đúng tinh thần của thông tư. Trong đánh giá HS, giáo viên đã thông qua đánh giá mức độ đạt được theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục và những biểu hiện phẩm chất, năng lực của học sinh theo yêu cầu cần đạt của chương trình; thực hiện đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì, quan tâm sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh và hỗ trợ kịp thời giúp học sinh hoàn thành nội dung bài học/môn học.

Trong đánh giá định kì, nhà trường đã chỉ đạo giáo viên xây dựng ma trận đề, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kỳ đối với các môn học có bài kiểm tra định kỳ. Phương pháp, hình thức đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục luôn bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Tiếp tục sử dụng phần mềm Cơ sở dữ liệu để quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

3. Công tác quy hoạch hệ thống trường, lớp; xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn; trường học hạnh phúc; củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

3.1. Rà soát, quy hoạch hợp lí hệ thống trường, lớp

Trong học kỳ I, nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng hệ thống trường, lớp, tuy nhiên do số lượng học sinh đông, quỹ đất hạn chế, cơ sở vật chất hiện có chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về diện tích theo quy định. Trước thực tế đó, nhà trường đã chủ động tham mưu với chính quyền địa phương về việc quy hoạch, bố trí vị trí xây dựng mới mở rộng khuôn viên trường, nhằm đảm bảo điều kiện tổ chức dạy học, đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục trong thời gian tới.

3.2. Xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn; trường học hạnh phúc; củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và bảo đảm hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

a) Xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn; trường học hạnh phúc

Mặc dù khuôn viên nhà trường còn chật hẹp, số lượng học sinh đông, song trong học kỳ I, nhà trường đã nỗ lực triển khai nhiều giải pháp nhằm xây dựng môi trường giáo dục xanh, sạch, đẹp, an toàn, tạo không gian học tập thân thiện cho học sinh.

Nhà trường có hệ thống cây xanh, cây bóng mát cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi ngoài trời và hoạt động trải nghiệm của học sinh; vườn trường được thiết kế phù hợp, cảnh quan tương đối đẹp. Khuôn viên trường, lớp luôn được giữ gìn sạch sẽ, thoáng mát; có hệ thống công trình vệ sinh khép kín đạt chuẩn, đảm bảo vệ sinh; khu vực rửa tay cho học sinh được bố trí tại các vị trí phù hợp, thuận tiện sử dụng hằng ngày.

Nhà trường có bản quy hoạch tổng thể và chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các bảng biểu, góc tuyên truyền, bảng công khai được bố trí khoa học, đảm bảo tính thẩm mỹ. Khuôn viên trường thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa cây xanh; sơ đồ trường, biển tên phòng học đầy đủ, rõ ràng; trang thiết bị được sắp xếp gọn gàng, hợp lý. Trang phục của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh gọn gàng, nghiêm túc, đúng quy định. Các lớp học được trang trí theo mô hình “Trường học hạnh phúc”; khu vực cầu thang, sảnh mái che và các dãy nhà cao tầng được trang trí sinh động, tạo không gian học tập thân thiện; dưới các gốc cây bóng mát có bố trí ghế đá cho học sinh nghỉ ngơi.

Công tác đảm bảo an toàn trường học được chú trọng: trường có tường bao khép kín, hệ thống điện, phòng cháy chữa cháy được kiểm tra thường xuyên; hệ thống camera giám sát hoạt động hiệu quả; các dãy nhà cao tầng có lan can đảm

bảo an toàn; có bảo vệ trực 24/24 giờ, góp phần đảm bảo an toàn cho học sinh.

Trong học kỳ I, nhà trường đã huy động nhân công là phụ huynh học sinh tham gia khắc phục hậu quả thiệt hại do bão số 5 và số 10, dọn dẹp cây đổ, tạo lại khuôn viên thông thoáng, an toàn; đồng thời sửa chữa, làm lại mái chống nóng các phòng học, đảm bảo điều kiện cho học sinh vui chơi, học tập.

Bên cạnh đó, nhà trường quan tâm xây dựng trường học hạnh phúc. Cơ sở vật chất tuy còn hạn chế về diện tích nhưng tương đối khang trang; thiết bị dạy học được bổ sung hằng năm, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018. Tập thể CBGVNV đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau, thực hiện nghiêm túc quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường. Học sinh được đối xử công bằng, yêu thương, chia sẻ, được tạo điều kiện học tập tốt nhất trong khả năng của nhà trường.

b) Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục

Trong học kỳ I năm học 2025-2026, nhà trường đã tham mưu với Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học.

Nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương, các ban, ngành, đoàn thể thực hiện điều tra, rà soát, cập nhật đầy đủ số liệu phổ cập trẻ trong độ tuổi; quản lý chặt chẽ học sinh trong địa bàn, huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1, duy trì 100% học sinh trong độ tuổi phổ cập ra lớp và hoàn thành chương trình tiểu học đúng độ tuổi.

Công tác quản lý hồ sơ phổ cập giáo dục được thực hiện đầy đủ, khoa học, đúng quy định; dữ liệu phổ cập được cập nhật thường xuyên trên hệ thống. Nhà trường chú trọng nâng cao chất lượng dạy học, hạn chế tối đa học sinh lưu ban, bỏ học, góp phần giữ vững và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục tiểu học trên địa bàn. Trường tự đánh giá đạt PCGDTHĐ ĐT mức độ 3.

c) Thực hiện hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Nhà trường có diện tích khuôn viên 5.050 m², tuy nhiên còn thiếu khoảng 4.000 m² so với quy định. Trường đủ phòng học văn hóa phục vụ dạy học 2 buổi/ngày nhưng chưa đáp ứng đầy đủ các phòng chức năng và phòng hỗ trợ học tập theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018 và tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia. Cơ sở vật chất hiện có được khai thác và sử dụng hiệu quả, song còn hạn chế do thiếu quỹ đất.

3.3. Công tác giáo dục đối với trẻ khuyết tật

Trường chỉ có trẻ 07 khuyết tật học hòa nhập, em được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân. Trong học kỳ I, nhà trường thực hiện nghiêm túc chủ trương giáo dục hòa nhập đối với trẻ khuyết tật, đảm bảo quyền được học tập và phát triển của trẻ theo quy định. Nhà trường đã rà soát, thống kê số lượng học sinh khuyết tật đang học tập tại trường; xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với từng đối tượng học sinh.

Giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn quan tâm, hỗ trợ học sinh khuyết tật trong quá trình học tập và rèn luyện; linh hoạt điều chỉnh nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, đánh giá nhằm giúp học sinh phát huy khả năng, từng bước tiến bộ. Nhà trường phối hợp chặt chẽ với gia đình học sinh trong

việc theo dõi, hỗ trợ, động viên các em tham gia đầy đủ các hoạt động học tập và giáo dục.

Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về giáo dục hòa nhập được chú trọng, tạo môi trường học tập thân thiện, không phân biệt đối xử, giúp học sinh khuyết tật hòa nhập tốt với tập thể lớp và nhà trường.

4. Củng cố và tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

4.1. Củng cố và phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

a) Thực hiện bố trí, sử dụng giáo viên

Ngay từ đầu năm học, căn cứ vào số lượng giáo viên được giao và thực tế năng lực chuyên môn nhà trường đã chủ động thông báo hợp đồng 01 giáo viên (1 tiếng Anh) để đảm bảo thực hiện Chương trình GDPT. Lựa chọn các giáo viên biên chế có năng lực ưu tiên giảng dạy các lớp 1,5. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đồng chí, đảm bảo công bằng định mức lao động giữa các giáo viên.

Các tổ chuyên môn được cơ cấu đảm bảo theo quy định, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường (có 2 tổ chuyên môn và 1 tổ văn phòng); các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ của tổ.

b) Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

- 100% CBQL và giáo viên giảng dạy lớp 1-5 đều được tham gia đầy đủ các buổi tập huấn dạy học Sách giáo khoa Chương trình GDPT2018 do Sở tổ chức.

- Trong học kỳ I, nhà trường chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên thông qua việc triển khai đầy đủ các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của ngành. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên môn, các lớp tập huấn do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức; đồng thời tích cực tự học, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý và giảng dạy.

- Nhà trường duy trì hiệu quả sinh hoạt tổ chuyên môn, tăng cường dự giờ, thao giảng, sinh hoạt chuyên đề; chú trọng đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học được đẩy mạnh, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

- Qua các hoạt động bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, có tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Ban giám hiệu thường xuyên dự giờ, đề cập thời tư vấn, hỗ trợ những khó khăn vướng mắc của từng giáo viên trong quá trình thực hiện. Tối thiểu 1 lần/tháng nhà trường tổ chức giao ban chuyên môn nhằm kịp thời khắc phục, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế hoặc nhân rộng cách làm hiệu quả trong dạy học và đánh giá học sinh.

- Tổ chức Hội thi GVCN giỏi cấp trường. Thông qua Hội thi các GVCN có cơ hội học hỏi, nâng cao nghiệp vụ CM về tổ chức tiết HĐT. Có 22 đồng chí đạt danh hiệu GVCN lớp giỏi, GV dạy cấp trường.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và hướng dẫn giáo viên tham gia tổ, nhóm

chuyên môn cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện thuận lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.

4.2. Xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học

a) Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Nhằm đảm bảo các điều kiện về CSVC và TBDH đáp ứng thực hiện Chương trình GDPT2018, từ đầu năm học lại nay, nhà trường đã tập trung nâng cấp, sửa chữa CSVC, mua mới TBHD. Trong học kỳ I, nhà trường đã chủ động rà soát, bổ sung và hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học nhằm phục vụ hiệu quả các hoạt động giáo dục. Cụ thể, nhà trường đã tổ chức chặt, tía cây xanh, đảm bảo an toàn trong khuôn viên; sửa chữa, làm lại mái tôn xuống cấp; xây dựng tường ngăn khu vực nhà xe học sinh với nhà ăn bán trú nhằm đảm bảo vệ sinh và an toàn; lắp đặt bạt che nắng cho dãy nhà 2 tầng, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh di chuyển và sinh hoạt.

Bên cạnh đó, nhà trường tiến hành sửa chữa, nâng cấp hệ thống điện, mạng Internet, bổ sung bảng biểu, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý và dạy học; mua sắm 80 bộ bàn ghế phục vụ học sinh bán trú; bổ sung thiết bị dạy học theo danh mục tối thiểu đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018. Đồng thời, nhà trường chủ động sử dụng nguồn kinh phí tự chủ để đầu tư, bổ sung các điều kiện khác phục vụ hoạt động dạy và học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đảm bảo môi trường học tập an toàn, hiệu quả.

b) Nâng cao hoạt động của thư viện trường học

Bám sát Thông tư 16/2022/TT- BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ GD-ĐT về “Ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông”, bổ sung đầy đủ SGK, sách tham khảo đảm bảo số lượng theo quy định; thay hệ thống điện, quạt mát; đường truyền mạng Itenet; máy quét mã sách. Hoạt động của thư viện:

- Nhân viên thư viện có trình độ Đại học đúng chuyên môn, có nghiệp vụ trong công tác thiết lập và vận hành thư viện, được tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn đầy đủ; quản lý thư viện theo phần mềm thư viện số khá tốt.

- Thời khóa biểu từ lớp 1-3 đều dành cho 1 tiết đọc thư viện/tuần (thực hiện nghiêm túc)

- Huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng.

- Phát huy tốt “Tủ sách dùng chung” và “Tủ đồ dùng học tập dùng chung”.

4.3. Công tác chuyển đổi số và giáo dục kỹ năng công dân số

a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

- 100% các lớp học 1-5 và các phòng học bộ môn đều được trang sắm đầy đủ ti vi thông minh và máy tính, tạo ĐK cho các GV khai thác kho học liệu điện tử và ứng dụng CNTT trong dạy học hiệu quả nhất. 100% giáo viên ứng dụng tốt các phần mềm như Smas, Cở sở dữ liệu

- Sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý trường học, hồ sơ điện tử, sổ

điểm điện tử, cơ sở dữ liệu ngành.

- Thực hiện trao đổi thông tin, quản lý điều hành thông qua môi trường số, giảm hồ sơ giấy, nâng cao hiệu quả quản lý.

- Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác báo cáo, thống kê, quản lý học sinh và đội ngũ.

- Giáo viên tích cực ứng dụng CNTT trong giảng dạy; khai thác học liệu số, sử dụng máy tính, TV thông minh, thiết bị trình chiếu trong các tiết học.

- Từng bước đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính chủ động của học sinh; tăng cường các hoạt động trải nghiệm, thực hành thông qua ứng dụng công nghệ.

- Tổ chức dạy học Tin học, Tiếng Anh gắn với rèn luyện kỹ năng sử dụng CNTT cho học sinh.

b) Thực hiện nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy

- Nhà trường thực hiện tích hợp nội dung giáo dục kỹ năng công dân số trong giảng dạy môn Tin học đối với các lớp 3, 4, 5 và lồng ghép trong các môn học Đạo đức, Toán, Công nghệ, Tự nhiên và Xã hội.

- Đối với lớp 4 và lớp 5, nhà trường tăng cường thời lượng và nội dung dạy học theo từng chủ đề, mạch kiến thức, nhằm củng cố, khắc sâu kiến thức môn Tin học; đồng thời tạo điều kiện để học sinh được nghiên cứu, tìm hiểu, khám phá và mở rộng kiến thức, qua đó phát triển năng lực Tin học và kỹ năng công dân số.

c) Triển khai Học bạ số

Nhà trường đã triển khai thực hiện Học bạ số theo chỉ đạo của ngành giáo dục. Công tác cập nhật, quản lý thông tin học sinh, kết quả học tập và rèn luyện được thực hiện trên hệ thống phần mềm quản lý, đảm bảo đầy đủ, chính xác, kịp thời. Giáo viên được hướng dẫn sử dụng Học bạ số trong quá trình đánh giá học sinh; việc lưu trữ, tra cứu thông tin thuận tiện, góp phần giảm hồ sơ giấy, nâng cao hiệu quả quản lý và từng bước thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường.

4.4. Thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục

Thực hiện đổi mới công tác quản lý trong tất cả các lĩnh vực, trong đó nhà trường đã tập trung thực hiện có hiệu quả các nội dung sau:

Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn, cụ thể: Tất cả các phân mềm quản lý đều được các CBQL sử dụng thành thạo; giáo viên khai thác học liệu điện tử, ứng dụng một số phần mềm vào bài giảng thường xuyên, đánh giá học sinh qua phần mềm Smas, học bạ điện tử. Thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu trên các phần mềm về trường, lớp, học sinh, giáo viên,..

Nhờ ứng dụng tốt ứng dụng CNTT nên hồ sơ, sổ sách trong nhà trường và của giáo viên được tinh giản. Hồ sơ nhà trường được lưu trữ khoa học, cập nhật trên hồ sơ công việc; giáo án của giáo viên được lưu trữ trên Drive ,..

5. Một số hoạt động khác

5.1. Thực hiện công tác truyền thông

Với phụ huynh và nhân dân: Đầu năm học, nhà trường phối hợp với Ban văn hóa xã Vĩnh Thuận; tổ chức họp phụ huynh để tiếp tục tuyên truyền về thực hiện chương trình GDPT 2018 đồng bộ từ lớp 1-5.

- Với đội ngũ CB, GV, NV: Vào đầu năm học, nhà trường đã tổ chức quán triệt đầy đủ các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học 2025- 2026 của cấp học đến từng cán bộ giáo viên, nhân viên. Hàng tháng, nhà trường cũng đã cập nhật các văn bản chỉ đạo của cấp học và tổ chức quán triệt đến toàn thể cán bộ, giáo viên thông qua các buổi họp hội đồng, sinh hoạt chuyên môn.

- Trong học kì I, nhà trường đã đăng tải văn bản, các hoạt động chuyên môn trên trang Web của trường.

5.2. Thực hiện phong trào xây dựng “Tủ sách dùng chung” và “Tủ đồ dùng học tập dùng chung”

Huy động các nguồn lực xã hội để xây dựng “Tủ sách dùng chung” cho HS nghèo, có hoàn cảnh khó khăn được mượn. Huy động được 588 quyển SGK, 20 bộ đồ dùng học tập. Cho HS mượn 36 bộ SGK và 11 quyển lẻ; có 50 em được mượn bộ đồ dùng học tập.

5.3. Phong trào giáo viên dạy giỏi:

Trong học kỳ I, nhà trường đã tập trung chỉ đạo và triển khai hiệu quả phong trào giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Trên cơ sở kế hoạch năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hội thi, tạo điều kiện để giáo viên đăng ký tham gia, tự bồi dưỡng chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao năng lực quản lý lớp học.

Nhà trường đã tổ chức Hội thi Giáo viên dạy giỏi và Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường đảm bảo nghiêm túc, đúng quy định, phát huy tính chủ động, sáng tạo của giáo viên trong giảng dạy và công tác chủ nhiệm. Thông qua hội thi, nhiều tiết dạy được đầu tư công phu, có ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương pháp, phù hợp với đối tượng học sinh.

Bên cạnh đó, nhà trường cử 12 đồng chí tham gia Hội thi Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp xã Vĩnh Thuận và 01 đồng chí tham gia Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp thành phố. Các giáo viên tham gia hội thi thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, chuẩn bị chu đáo hồ sơ, bài giảng, đáp ứng yêu cầu của ban tổ chức.

Qua phong trào, đội ngũ giáo viên ngày càng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng công tác chủ nhiệm; góp phần xây dựng tập thể sư phạm đoàn kết, vững mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

5.4. Khuyến khích tổ chức các hoạt động phát triển năng lực học sinh

Ngoài việc tổ chức dạy học trên lớp, nhà trường đặc biệt quan tâm đến việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục và hoạt động ngoài giờ lên lớp theo chủ đề hàng tháng; sinh hoạt dưới cờ được tổ chức với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với tâm lý lứa tuổi học sinh. Trong học kỳ I, nhà trường đã tổ chức các hoạt động thiết thực nhân dịp Tết Trung thu; Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; kỷ niệm 43 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; kỷ niệm Ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam 22/12,... góp phần giáo dục truyền thống, đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh.

Bên cạnh đó, nhà trường thực hiện lồng ghép Tài liệu giáo dục văn hóa giao thông cấp tiểu học vào các hoạt động giáo dục; tổ chức tuyên truyền, giáo dục học

sinh về an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, phòng chống bạo lực và xâm hại trẻ em, bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng. Đồng thời, nhà trường chú trọng tổ chức các hoạt động từ thiện, nhân đạo, các sân chơi trí tuệ nhằm tạo môi trường học tập thân thiện, an toàn, góp phần phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất cho học sinh.

5.5. Công tác bán trú

- Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về việc Sửa đổi điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc Quy định các danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn TP Hải Phòng trong đó có các khoản thu, mục thu phục vụ công tác bán trú cho học sinh.

- Trong học kỳ I năm học, nhà trường đã tổ chức thực hiện tốt công tác bán trú cho học sinh. Toàn trường có 128 học sinh tham gia bán trú với 25. Nhà trường xây dựng kế hoạch bán trú ngay từ đầu năm học, phân công nhiệm vụ rõ ràng, thực hiện nghiêm túc nội quy bán trú. Công tác nuôi dưỡng được đảm bảo với thực đơn phù hợp lứa tuổi, thực phẩm có nguồn gốc rõ ràng, thực hiện đầy đủ quy trình vệ sinh an toàn thực phẩm, không xảy ra ngộ độc hay sự cố. Việc tổ chức cho học sinh ăn, nghỉ trưa được thực hiện nề nếp, an toàn; học sinh có ý thức giữ gìn vệ sinh và kỹ năng tự phục vụ. Nhìn chung, công tác bán trú trong học kỳ I được duy trì ổn định, góp phần đảm bảo sức khỏe cho học sinh và tạo sự yên tâm cho phụ huynh. Bên cạnh đó, vẫn còn một số khó khăn về cơ sở vật chất và công tác quản lý do số lượng học sinh đông; nhà trường sẽ tiếp tục khắc phục và nâng cao chất lượng bán trú trong thời gian tới.

5. 6. Công tác kiểm tra nội bộ

Trong học kỳ I, nhà trường thực hiện công tác kiểm tra nội bộ theo đúng kế hoạch đã xây dựng.

- Kiểm tra thường xuyên: sĩ số học sinh; việc thực hiện thời gian làm việc của giáo viên, nhân viên; an toàn trường học; thực hiện chương trình, thời khóa biểu; công tác bán trú.

- Kiểm tra theo kế hoạch: hoạt động đọc sách tại các lớp; hồ sơ thư viện, thiết bị; công tác quản lý của tổ trưởng, khối trưởng; chất lượng dạy – học, sinh hoạt chuyên môn và đổi mới sinh hoạt chuyên môn; xây dựng kế hoạch của nhà trường và các bộ phận; công tác quản lý, phát triển đội ngũ; xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; công tác phối hợp và thực hiện nhiệm vụ của nhân viên thiết bị, thư viện, kế toán.

Kết quả: các đợt kiểm tra đều xếp loại **Khá, Tốt**.

- Kiểm tra hoạt động sư phạm theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên: 14/14 đạt loại **Tốt**.

- Kiểm tra chuyên đề “Đổi mới phương pháp”: 6/6 đạt **Tốt**.

- Kiểm tra chuyên đề “Ứng dụng CNTT”: 3/3 **Tốt**.

- Kiểm tra quy chế chuyên môn: 31/31 đạt **Tốt**.

- Kiểm tra việc sử dụng đồ dùng dạy học của các tổ chuyên môn: đa số giáo

viên có kế hoạch và sử dụng hiệu quả.

6. Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

6.1. Về điều kiện bảo đảm

- Cơ sở vật chất của nhà trường tuy đã được quan tâm đầu tư, song còn thiếu phòng học bộ môn, diện tích phòng học còn hẹp, chưa đáp ứng tốt yêu cầu tổ chức các hoạt động dạy học theo Chương trình GDPT 2018.

- Thiếu phòng học đa năng, gây khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng và sinh hoạt tập thể cho học sinh.

6.2. Về hoạt động chuyên môn

- Trong quá trình thực hiện Chương trình GDPT 2018, vẫn còn một số giáo viên chưa thực sự chủ động, chưa dành nhiều thời gian cho việc nghiên cứu bài học, xây dựng học liệu điện tử trước khi lên lớp.

- Hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm chủ yếu do Ban Giám hiệu thực hiện; việc dự giờ, góp ý lẫn nhau trong tổ chuyên môn còn hạn chế, chưa thường xuyên.

- Ở một số môn học, giáo viên chưa đảm bảo thực hiện đúng thời lượng 35 phút/tiết, dẫn đến lấn thời gian của các môn học khác.

7. Đánh giá chung

Trong học kỳ I, nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học đúng tiến độ, bám sát các văn bản chỉ đạo của ngành; tập trung nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, quan tâm bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Bên cạnh những kết quả đạt được, nhà trường cũng thẳng thắn nhìn nhận những khó khăn, hạn chế để có giải pháp khắc phục trong thời gian tới, nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục và hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025- 2026

1. Triển khai nhiệm vụ học kỳ II, dạy học 2 buổi/ngày (9 buổi/tuần, thời lượng 32 tiết/tuần), hoàn thành nội dung chương trình đúng theo kế hoạch đã xây dựng.

Tập trung nâng cao chất lượng đại trà, chú trọng công tác kèm cặp HS yếu; bồi dưỡng HS có năng khiếu tham gia các cuộc thi trực tuyến, trực tiếp các cấp đạt kết quả cao.

Làm tốt bàn giao chất lượng lớp 5 lên lớp 6. Xét hoàn thành CTTH.

2. Công tác bồi dưỡng đội ngũ: Chỉ đạo các tổ chuyên môn sinh hoạt chuyên môn chuyên sâu về Chương trình GDPT 2018 theo kế hoạch của nhà trường. Tiếp tục nghiên cứu tài liệu hướng dẫn tích hợp, lồng ghép Giáo dục kỹ năng công dân số vào môn Tin học và các môn học khác để thực hiện hiệu quả hơn.

3. Công tác xây dựng cơ sở vật chất, trường chuẩn quốc gia:

Hoàn thành công tác Tự đánh giá KĐCL. Tiếp tục cải tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn.

Tham mưu với UBND tiến hành xây dựng mới theo quy hoạch.

4. Thực hiện đánh giá giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp GVTH, đánh giá hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng theo Chuẩn ban hành; đánh giá viên chức cuối năm học đúng quy trình, nghiêm túc, khách quan.

5. Tiếp tục thực hiện tốt kế hoạch chuyển đổi số năm học 2025- 2026. 100%

GV sử dụng phần mềm quản lý trong nhà trường và sử dụng số điện tử trong quản lý và lưu trữ, triển khai sử dụng hồ sơ chuyên môn điện tử (phiếu báo giảng, sổ điểm, học bạ, sổ liên lạc, sổ đăng bộ); BGH sử dụng hiệu quả chữ ký số; 100% người học, 100% CBGVNV được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất trên toàn quốc trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nơi nhận:

- Phòng VHXH;
- CB, GV, NV nhà trường;
- Đăng Website;
- LưuVT.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Tính